| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN GÒ CÔNG TÂY**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 10/2023/DSST
Ngày: 10/01/2023
V/v tranh chấp "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phan Thị Kiều Oanh**;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Nguyễn Thị Linh;**

2. Bà **Trần Kim Chi;**

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lương Huỳnh Phúc Tài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tỉnh Tiền Giang:*** Ông Nguyễn Văn Quí – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 253/2022/TLST- DS ngày 21 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 211/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2022/QĐST – DS ngày 22 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Phạm Thị Cúc A, sinh năm 1970** (có đơn xin vắng mặt).
Địa chỉ: 115/11 lầu 2, P, phường A, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Bị đơn: Trần Thị T, sinh năm 1973** (vắng mặt).
**Hồ Hoàng H, sinh năm 1970** (vắng mặt).
Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

* Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Phạm Thị Cúc A trình bày:

Giữa bà Cúc A và ông H, bà T có giao dịch về tiền bạc, cụ thể như sau:

+ Ngày 04/8/2019, bà Cúc A có cho ông H và bà T vay số tiền 250.000.000 đồng có viết biên nhận nợ bằng giấy tay, trong biên nhận không thỏa thuận lãi suất và thời gian trả nợ. Tuy nhiên, giữa bà Cúc A và ông H, bà T thỏa thuận miệng tính lãi suất 5%/tháng, trả lãi hàng tháng, sau hai tháng kể từ ngày vay sẽ trả nợ, nhưng

từ khi vay đến nay ông H và bà T có trả 02 tháng lãi thì ngưng đến nay không đóng lãi nữa và chưa trả lại vốn.

+ Ngày 30/8/2019, bà Cúc A có cho ông H và bà T vay số tiền 150.000.000 đồng có viết biên nhận nợ bằng giấy tay, trong biên nhận không thỏa thuận lãi suất và thời gian trả nợ. Tuy nhiên, giữa bà Cúc A và ông H, bà T thỏa thuận miệng tính lãi suất 5%/tháng, trả lãi hàng tháng, sau hai tháng kể từ ngày vay sẽ trả nợ, nhưng từ khi vay đến nay ông H và bà T có trả 02 tháng lãi thì ngưng đến nay không đóng lãi nữa và chưa trả lại vốn.

+ Ngày 19/6/2020, bà Cúc A có cho ông H và bà T vay số tiền 100.000.000 đồng có viết biên nhận nợ bằng giấy tay, trong biên nhận không thỏa thuận lãi suất và thời gian trả nợ. Tuy nhiên, giữa bà Cúc A và ông H, bà T thỏa thuận miệng tính lãi suất 5%/tháng, trả lãi hàng tháng, sau hai tháng kể từ ngày vay sẽ trả nợ, nhưng từ khi vay đến nay ông H và bà T không đóng lãi và chưa trả lại vốn.

Bà Cúc A có đến nhà yêu cầu ông H và bà T trả tiền nhiều lần nhưng ông H và bà T chỉ có trả cho bà Cúc A số tiền 100.000.000 đồng.

Nay bà Cúc A yêu cầu ông H và bà T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vốn vay còn nợ là 400.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi kể từ ngày 19/6/2020 đến khi xét xử với mức lãi suất 10%/năm (tương đương 0.83%/tháng), yêu cầu trả vốn và lãi 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

* Tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị T vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, quá trình tố tụng, bà Trần Thị T trình bày: Bà T có vay tiền của bà Cúc A như bà Cúc A trình bày, bà và chồng là ông H có ký tên nhận nợ, đã đóng lãi 5%/tháng, từ khi dịch Covid – 19 vào khoảng tháng 6/2020 thì mới ngưng đóng lãi cho đến nay do không tiền đóng lãi nổi nữa, vay tiền về để choàng hụi cho các hụi viên không đóng, bà chơi hụi từ năm 2013, 2014, 2015 gì đó bà cũng không nhớ rõ, nay hoàn cảnh khó khăn không trả nổi nợ, đồng ý trả nhưng chờ chuyển nhượng đất cho người khác thì mới trả được, xin trả trong vòng sáu tháng từ ngày hòa giải ngày 01/12/2022, bà đã trả nợ được 100.000.000 đồng, xin không trả lãi. Ngoài ra, bà T còn trình bày bà và ông H là vợ chồng, hiện đang chung sống với nhau, việc chơi hụi là của bà T, ông H không biết gì, tiền vay này là do bà T tự đứng ra vay.

* Bị đơn ông Hồ Hoàng H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công bố, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Cúc A.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Cúc A. Về án phí: Bà Trần Thị T và ông Hồ Hoàng H phải có nghĩa vụ liên đới nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thảo luận của Hội đồng xét xử. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bà Phạm Thị Cúc A có đơn xin vắng mặt, ông Hồ Hoàng H và bà Trần Thị T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để dự phiên tòa, nhưng ông Hi và bà T vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[3] *Về nội dung*: bà Cúc A yêu cầu bà T và ông H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vốn vay là 400.000.000 đồng và tính lãi suất từ ngày 19/6/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/01/2023). Hội đồng xét xử nhận thấy:

Từ khi Toà án thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt Giấy triệu tập, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và yêu cầu khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ mà bà Cúc A giao nộp cho Tòa án cho ông H biết, nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà Cúc A. Đồng thời, bà Cúc A có cung cấp bản chính các Biên nhận vay tiền ngày 04/8/2019, ngày 30/8/2019, ngày 19/6/2019. Bà T ký xác nhận và ghi rõ họ tên biên nhận vay tiền ngày 04/8/2019, 30/8/2019. Ông H ký xác nhận và ghi rõ họ tên biên nhận vay tiền ngày 19/6/2020. Mặc dù khi ông H và bà T không có ghi rõ ngày trả nợ nhưng có thỏa thuận miệng là cứ hai tháng sau khi vay nợ là sẽ trả, nhưng bà Cúc A đã đến đòi nợ nhiều lần nhưng ôngH và bà T chỉ mới trả được 100.000.000 đồng. Quá trình tố tụng, ông H vắng mặt nhưng bà T là vợ ông H có đến Tòa án trình bày ý kiến thừa nhận hiện nay còn nợ của bà Cúc A 400.000.000 đồng và bà T trình bày là bà vay tiền của bà Cúc A để choàng cho các hụi viên không đóng hụi do bà T có làm đầu thảo các dây hụi, bà T yêu cầu một mình trả nợ cho bà Cúc A vì tiền này là bà tự vay riêng. Tuy nhiên, các chứng cứ trong hồ sơ thể hiện khi vay tiền của bà Cúc A thì ông H, bà T đều có ký tên, mặc dù không ký tên chung trong các biên nhận nhưng bà T cho rằng vay tiền về để mục đích cho việc choàng hụi, việc làm kinh tế này của bà T có từ năm 2013 đến nay. Hơn nữa, theo chính quyền địa phương xác nhận thì ông H và bà T là vợ chồng, hiện đang chung sống tại địa phương.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà Cúc Ayêu cầu ông H, bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Cúc A số tiền vốn vay 400.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Về lãi suất: Bà T trình bày đóng lãi tới tháng 06/2020 thì ngưng do dịch Covid 19 không có làm gì có tiền để đóng tiếp. Bà Cúc A yêu cầu tính lãi từ ngày 19/6/2020 đến xét xử sơ thẩm (ngày 10/01/2023). Bà Cúc A yêu cầu tính lãi hàng tháng 0.83%/tháng. Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự thì Hội đồng xét xử thấy rằng việc bà Cúc A yêu cầu tính lãi suất hàng tháng là 0.83%/tháng và tính từ ngày 19/6/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (10/01/2023) là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, ông H, bà T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền lãi cho bà Cúc A là: 0.83%/tháng x 400.000.000 đồng x 30 tháng 22 ngày = 102.000.000 đồng.

Thời hạn trả nợ: Bà T yêu cầu được trả nợ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày 01/12/2022 là không phù hợp với qui định của pháp luật và không được phía bà Cúc A đồng ý nên không chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Cúc A được chấp nhận nên ông H, bà T có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: các điều 35, 39, 91, 92, 147, 235, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 469, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Cúc A.

Buộc ông Hồ Hoàng H và bà Trần Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị Cúc A số tiền vốn vay 400.000.000 đồng *(Bốn trăm triệu đồng)* và tiền lãi suất là 102.000.000 đồng *(Một trăm lẻ hai triệu đồng)* ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

+ Ông Hồ Hoàng H và bà Trần Thị T có nghĩa vụ liên đới nộp 24.080.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Trả lại cho bà Phạm Thị Cúc A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.859.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0026542 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

*"Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".*

3. Bà Cúc A, ông H và bà T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**Phan Thị Kiều Oanh**